



Mẫu CBTT-

CÔNG TY CỔ PHẦN NHỰA TÂN ĐẠI HƯNG (MÃ CHỨNG KHÓAÁN TPC)

Địa chỉ trụ sở: 414 Lầu 5, Lũy Bán Bích, Quận Tân Phú, TP Hồ Chí Minh

Điện thoại: (08) 39737377 / 39737278

Fax: (08) 39737276 / 39737279

Website: www.tandaihungplastic.com

Email: daihungplastic@hcm.vnn.vn

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TÓM TẮT NĂM 2008 (Đã Kiểm Toán)

I.A BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TÓÁN

Stt	Nội dung	Số dư đầu kỳ	Số dư cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	227,829,608,122	213,669,932,302
1	Tiền và các khoản tương đương tiền	2,426,249,696	32,594,593,815
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	-	-
3	Các khoản phải thu ngắn hạn	96,029,486,994	103,610,803,785
4	Hàng tồn kho	101,648,042,482	65,059,848,689
5	Tài sản ngắn hạn khác	27,725,828,950	12,404,686,013
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	205,174,671,955	115,109,896,112
1	Các khoản phải thu dài hạn		
2	- Tài sản cố định		
	- Tài sản cố định hữu hình	66,403,092,512	56,221,923,360
3	Bất động sản đầu tư		
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	136,420,826,120	56,751,599,480
5	Tài sản dài hạn khác	2,350,753,323	2,136,373,272
III	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	433,004,280,077	328,779,828,414
IV	NỢ PHẢI TRẢ	92,848,100,626	66,240,211,366
1	Nợ ngắn hạn	91,292,811,197	63,749,692,203
2	Nợ dài hạn	1,555,289,429	2,490,519,163
V	VỐN CHỦ SỞ HỮU	340,156,179,451	262,539,617,048
1	Vốn chủ sở hữu	340,068,958,451	262,539,617,048
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	104,000,000,000	205,460,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	226,548,478,451	125,088,478,451
	- Vốn khác của chủ sở hữu	-	-
	- Cổ phiếu quỹ		(8,816,610,920)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-
	- Các quỹ	-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	9,520,480,000	(59,192,250,483)
	- Nguồn vốn đầu tư XD cơ bản	-	-
2	Nguồn kinh phí và quỹ khác	87,221,000	-
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-
	- Nguồn kinh phí	-	-
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-
VI	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	433,004,280,077	328,779,828,414

II.A KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Stt	Chỉ tiêu	Năm nay	Năm trước
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	455,074,953,804	290,146,772,000
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	3,017,153	
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	455,071,936,651	290,146,772,000
4	Giá vốn hàng bán	415,409,132,499	246,617,673,000
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	39,662,804,152	43,529,099,000
6	Doanh thu hoạt động tài chính	9,964,292,552	5,228,977,000
7	Chi phí hoạt động tài chính	83,581,052,816	20,339,186,000
8	Chi phí bán hàng	13,292,016,440	20,140,107,000
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	14,351,420,452	11,310,664,000
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-61,597,393,004	-3,031,881,000
11	Thu nhập khác	4,224,991,146	11,436,923,000
12	Chi phí khác	4,241,969,932	500,998,000
13	Lợi nhuận khác	(16,978,786)	10,935,925,000
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	-61,614,371,790	7,904,044,000
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		1,034,179,000
16	Chi phí thuế thu Nhập DN hoãn lại		(1,906,341,000)
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	-61,614,371,790	8,776,206,000
18	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu	(4,822)	845

III.A CAC CHI TIÊU TẠI CHÍNH CƠ BẢN			
Stt	CHI TIÊU	Đơn vị tính	Năm nay
1	Cơ cấu tài sản		
	Tài sản ngắn hạn/Tổng Tài Sản	%	65.0%
	Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	%	35.0%
2	Cơ cấu nguồn vốn		
	Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	20.1%
	Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn (%)	%	79.9%
3	Khả năng thanh toán		
	Khả năng thanh toán nợ nhanh	lần	2.33
	Khả năng thanh toán hiện hành	lần	3.35
4	Tỷ suất lợi nhuận		
	Lợi nhuận sau thuế/Tổng Tài Sản	%	-18.7%
	Lợi nhuận sau thuế/Doanh Thu	%	-13.5%
	Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn Chủ sở hữu	%	-23.5%

Ngày 28 tháng 04 năm 2009

TỔNG GIÁM ĐỐC

NGUYỄN VĂN HÙNG